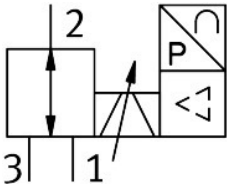


Van điều khiển tỉ lệ áp suất VPPI-5L-3-G18-0L6H-V1-S1D

Số bộ phận: 8104665



Bảng dữ liệu

Đặc tính	Giá trị
Thông gió danh nghĩa	5 mm
Chiều rộng định mức thông khí	5 mm
Kiểu vận hành	điện
Nguyên lý bít	mềm
Tổng lượng rò rỉ	5 l/h
Hướng dòng chảy	không thể đảo ngược
Vị trí lắp đặt	bất kì
Cấu trúc xây dựng	Van đĩa với lò xo hồi
Chống chịu ngắn mạch	cho tất cả các kết nối điện
Chiều dài dây dẫn tối đa	30m
Nhập giá trị mục tiêu	0 - 10 V PWM kỹ thuật số
Điện trở đầu vào	100 kOhm
Hướng dẫn an toàn	Vị trí không an toàn VPPI, vị trí nghỉ đã đóng
Chống phân cực	cho tất cả các kết nối điện
Kiểu cài đặt lại	lò xo cơ học
Kích thước B x L x H	42,2 mm x 95,3 mm x 94,3 mm
Kiểu điều khiển	trực tiếp
Chức năng van	Van 3 nhánh định lượng điều chỉnh áp suất
Kiểu hiển thị	Màu TFT
Kích thước hiển thị	1,77"
Độ phân giải màn hình	128x160 Pixel
Áp suất vận hành	6 bar...8 bar
Phạm vi điều chỉnh áp suất	0 MPA...0.6 MPA 0 bar...6 bar
Áp suất đầu vào 1	0 bar...13 bar 0 MPA...1.3 MPA
Áp suất nổ	40 bar
Lưu lượng danh nghĩa bình thường (chuẩn hóa theo DIN 1343)	900 l/ph
Lưu lượng định mức thông thường 2-3	480 l/ph
Dải điện áp hoạt động DC	21.6 V...27.6 V

Đặc tính	Giá trị
Dòng điện danh nghĩa	0.15 A
Tiêu thụ điện tối đa	525 mA
Mức tiêu thụ năng lượng điện tối đa	14.5 W
Điện áp hoạt động danh định DC	24 V
Đầu ra chuyển mạch	Push-Pull
Dòng điện đầu ra tối đa	25 mA
Dải tín hiệu đầu ra analog	0 - 10 V
Trở kháng tải tối thiểu đầu ra điện áp	2000 Ohm
Độ chính xác đầu ra analog tính bằng ±% FS	1 %FS
Môi chất vận hành	Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4] Khí trơ
Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển	Không thể hoạt động bằng dầu
Giấy phép	Dấu RCM c UL us - Listed (OL)
Dấu hiệu KC	KC-EMV
Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo chỉ thị EMC của EU theo chỉ thị RoHS của EU
Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo quy định UK cho EMV theo các quy định UK RoHS
Cơ quan cấp chứng chỉ	UL E322346
Khả năng chống rung	Kiểm tra bộ gá vận chuyển với mức độ nghiêm trọng 2 theo FN 942017-4 và EN 60068-2-6
chống sốc	Kiểm tra va đập với mức độ nghiêm trọng 2 theo FN 942017-5 và EN 60068-2-27
Lớp chống ăn mòn KBK	2 - bị ăn mòn vừa phải
Tuân thủ LABS	VDMA24364-B1/B2-L
Loại phòng sạch	Loại 4 theo ISO 14644-1
Phù hợp với thực phẩm	xem thông tin tài liệu bổ sung
Nhiệt độ trung bình	0 °C...50 °C
Mức độ bảo vệ	IP65
mức độ ô nhiễm	2
Nhiệt độ môi trường xung quanh	0 °C...50 °C
Nhiệt độ bảo quản	-20 °C...70 °C
lớp khí hậu	3K3 theo EN 60721
Độ ẩm tương đối	0 - 85 % không cô đặc
Chiều cao vận hành định mức	< 3000 m NHN
Lưu ý áp dụng	Sản phẩm chỉ thích hợp cho mục đích công nghiệp. Các biện pháp ngăn chặn nhiễu sóng vô tuyến có thể phải được thực hiện trong các khu dân cư.
mức công suất âm thanh	62.5 dB(A)
Mức công suất âm thanh ở khoảng cách 1 m	51.9 dB(A)
trọng lượng sản phẩm	370 g
Tuyến tính	0.9 %FS
Độ trễ	0.4 %FS
Khả năng tái lập	0.4 %FS
Độ chính xác tổng thể	1,1 %FS
Hệ số nhiệt độ	0.02 %/K
Cổng nối điện 1, chức năng	Đầu ra giá trị thực Đầu vào giá trị định mức Nguồn cấp điện
Cổng nối điện 1, kiểu kết nối	Giắc cắm
Cổng nối điện 1, công nghệ kết nối	M12x1 được mã hóa A theo EN 61076-2-101
Cổng nối điện 1, số chân cắm/dây	5
Cổng nối điện 1, mô men xoắn siết chặt	1.5 N m

Đặc tính	Giá trị
Kiểu gắn	có lỗ xuyên cho vít M4 với ray DIN
Cổng nối khí nén 1	G1/8
Cổng nối khí nén 2	G1/8
Cổng nối khí nén 3	G1/8
Kết nối vít mô-men xoắn cực đại	8,5 N m
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS
Vật liệu vỏ	PA gia cố
Vật liệu của phốt	HNBR PTFE